

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP VẬN TẢI VÀ XD HẢI AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số ~~CHC~~ 2015/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2015

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An |
| 2. Mã chứng khoán | HAH |
| 3. Địa chỉ trụ sở chính | Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 4. Điện thoại | 043.9877515 |
| Fax | 043.9444022 |
| 5. Người thực hiện công bố thông tin | Phạm Thị Hồng Nhung |
| 6. Địa chỉ | Tầng 3 tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng |
| 7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) | 031.3979721 |
| 8. Fax | 031.3979718 |
| 9. Loại thông tin công bố | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> bất thường <input type="checkbox"/> theo yêu cầu <input checked="" type="checkbox"/> định kỳ |
| 10. Nội dung thông tin công bố | |

“Báo cáo tài chính Quý I năm 2015” của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/5/2015 tại website: www.haiants.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý I năm 2015

Người được ủy quyền công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Phạm Thị Hồng Nhung

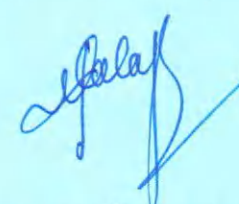
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2015

Tổng Giám đốc


Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 05 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247,250,981,480	173,754,921,678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	118,594,310,966	70,148,304,209
1. Tiền	111		53,256,170,748	18,367,541,704
2. Các khoản tương đương tiền	112		65,338,140,218	51,780,762,505
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92,721,250,811	63,396,958,329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78,222,351,466	53,488,208,995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,841,343,733	4,618,614,714
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7,000,000,000	5,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2,772,939,140	405,518,148
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(115,383,528)	(115,383,528)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	12,375,746,521	12,944,679,371
1. Hàng tồn kho	141		12,375,746,521	12,944,679,371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,559,673,182	27,264,979,769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	2,642,043,256	152,005,077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,914,474,526	25,346,568,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3,155,400	1,766,406,177
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		518,979,854,067	532,139,143,519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,759,108,020	1,729,120,020
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1,759,108,020	1,729,120,020
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		498,692,620,440	502,988,334,853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	495,326,713,995	499,587,106,870
<i>Nguyên giá</i>	222		652,319,445,776	641,652,793,626
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(156,992,731,781)	(142,065,686,756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,365,906,445	3,401,227,983
<i>Nguyên giá</i>	228		4,945,015,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,579,108,791)	(1,543,787,253)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6,419,860,639	14,143,924,707
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	6,419,860,639	14,143,924,707
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,866,500	10,976,212,500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	10,000,000,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	866,500	976,212,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,107,398,468	2,301,551,439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,107,398,468	2,301,551,439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766,230,835,547	705,894,065,197

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		301,095,149,973	280,581,148,090
I. Nợ ngắn hạn	310		105,586,696,272	86,303,949,347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	43,822,050,212	19,471,210,881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	386,358,171	91,742,723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3,788,414,238	551,646,095
4. Phải trả người lao động	314		203,923,663	1,278,908,117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	7,603,000,000	533,793,317
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1,792,066,562	1,103,852,377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	42,967,710,779	56,434,623,190
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5,023,172,647	6,838,172,647
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		195,508,453,701	194,277,198,743
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	60,000,000,000	60,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	135,508,453,701	134,277,198,743
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		465,135,685,574	425,312,917,107
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	465,135,685,574	425,312,917,107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45,931,070,809	45,931,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		131,024,943,843	91,202,175,376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87,452,175,376	10,571,102,789
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43,572,768,467	80,631,072,587
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		766,230,835,547	705,894,065,197

Lập, ngày 13 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Đơn vị tính: VND			
			Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	151,881,183,016	41,810,194,762	151,881,183,016	41,810,194,762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151,881,183,016	41,810,194,762	151,881,183,016	41,810,194,762
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	99,486,795,562	12,981,115,190	99,486,795,562	12,981,115,190
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52,394,387,454	28,829,079,572	52,394,387,454	28,829,079,572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	2,843,520,660	831,988,737	2,843,520,660	831,988,737
7. Chi phí tài chính	22	VL4	3,618,029,584	760,338,614	3,618,029,584	760,338,614
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,668,841,651	474,147,724	1,668,841,651	474,147,724
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	3,114,127,867	1,231,081,295	3,114,127,867	1,231,081,295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48,505,750,663	27,669,648,400	48,505,750,663	27,669,648,400
11. Thu nhập khác	31	VL6	163,761,012	1	163,761,012	1
12. Chi phí khác	32	VL7	560,000	9,518,706	560,000	9,518,706
13. Lợi nhuận khác	40		163,201,012	(9,518,705)	163,201,012	(9,518,705)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48,668,951,675	27,660,129,695	48,668,951,675	27,660,129,695
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5,096,183,208		5,096,183,208	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43,572,768,467	27,660,129,695	43,572,768,467	27,660,129,695

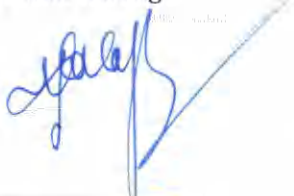
Lập, ngày 13 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế đến cuối quý 1 năm nay	Lũy kế đến cuối quý 1 năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48,668,951,675	27,660,129,695
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14,962,366,563	7,973,320,413
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1,433,235,823	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,784,317,801)	(748,144,307)
- Chi phí lãi vay	06	1,668,841,651	474,147,724
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63,949,077,911	35,359,453,525
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23,647,884,518)	(30,255,775,865)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	568,932,850	(2,627,231,818)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	25,938,213,518	26,428,925,597
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	194,152,971	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,896,634,968)	(474,147,724)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	87,150,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,815,000,000)	(627,890,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63,290,857,764	27,890,483,715
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,942,588,082)	(235,587,948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,000,000,000)	(18,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	3,196,610,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	563,053,801	973,962,846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,182,924,281)	(9,061,625,102)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ

Tầng 7 số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết		
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13,816,933,040)	9,167,360,000
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(19,538,732,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13,816,933,040)	(10,371,372,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48,291,000,443	8,457,486,613
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	70,148,304,209	58,979,252,792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		155,006,314	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	118,594,310,966	67,436,739,405

Lập, ngày 13 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc

Lạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** : 12 tháng.
- Cấu trúc Công ty**
Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	20%	36%	36%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	50%	50%	50%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh trình bày trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được với số liệu kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 35 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khí thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt, ngân hàng Vietcombank và ngân hàng Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	307.114.337	194.049.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.949.056.411	18.173.491.886
Các khoản tương đương tiền	65.338.140.218	51.780.762.505
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	65.338.140.218	51.780.762.505
Cộng	<u>118.594.310.966</u>	<u>70.148.304.209</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Hải An	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	976.212.500		976.212.500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	976.210.000		976.210.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	2.500		2.500
Cộng	<u>10.000.866.500</u>		<u>10.000.866.500</u>	<u>10.976.212.500</u>		<u>10.976.212.500</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ giữa Công ty và Công ty TNHH Cảng Hải An như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phải trả về hoạt động cảng	1.302.097.943	907.845.618
Phải trả về hoạt động tàu	3.762.632.260	
Phải thu về hoạt động cảng	7.087.537.193	11.220.869.451

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	20.431.506.946	7.868.602.609
CN công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội	11.800.000	7.500.000
CN Công ty CP Hàng hải Macs tại HP	7.400.000	9.300.000
CN Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	8.498.130.226	4.780.087.242
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	959.200.000	95.400.000
Công ty cổ phần Hải Minh	350.500.000	
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn	1.464.900.000	326.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	29.400.000	47.600.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Công ty TNHH Vận tải và đại lý vận tải Đa phương thức	596.078.147	1.177.546.058
Công ty TNHH Cảng Hải An	8.514.098.573	1.425.169.309
Phải thu các khách hàng khác	57.790.844.520	45.619.606.386
Chi nhánh công ty CP giao nhận vận tải Ngoại thương tại HP	8.579.059.292	7.146.947.222
Pendulum Express Lines Pte Ltd	14.704.509.437	14.568.236.315
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	6.963.588.050	4.266.281.236
Các khách hàng khác	27.543.687.741	19.638.141.613
Cộng	78.222.351.466	53.488.208.995

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông Vinaconex Phan Vũ	1.464.220.000	1.464.220.000
Công ty cổ phần hàng hải và phát triển Phi Mã	471.574.400	
Tổng công ty Ba Son - công ty TNHH MTV	1.424.356.550	
Trung tâm xúc tiến đầu tư - Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	450.000.000	450.000.000
Đối tượng khác	1.031.192.783	2.704.394.714
Cộng	4.841.343.733	4.618.614.714

5. **Phải thu về cho vay ngắn hạn:** Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà vay ngắn hạn.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi dự thu	-	113.284.614
Các khoản chi hộ	127.040.731	176.835.794
Phải thu tiền bán chứng chỉ quỹ	-	40.499.751
Các khoản phải thu khác	2.454.234.578	44.157.989
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.740.000	30.740.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tạm ứng	<u>160.923.831</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>2.772.939.140</u>	<u>405.518.148</u>

b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ	<u>1.759.108.020</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>1.759.108.020</u>	<u>1.729.120.020</u>

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
<i>Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh</i>	<i>2 năm</i>	<i>65.089.486</i>	<i>19.526.846</i>	<i>2 năm</i>	<i>65.089.486</i>	<i>19.526.846</i>
<i>Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia</i>	<i>2 năm</i>	<i>99.744.126</i>	<i>29.923.238</i>	<i>2 năm</i>	<i>99.744.126</i>	<i>29.923.238</i>
Cộng		<u>164.833.612</u>	<u>49.450.084</u>		<u>164.833.612</u>	<u>49.450.084</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	<u>115.383.528</u>		<u>115.383.528</u>
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối kỳ	<u>115.383.528</u>		<u>115.383.528</u>

8. Hàng tồn kho

Hàng mua đang đi trên đường	<u>974.139.128</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	<u>11.478.115.323</u>	<u>11.970.540.243</u>
Công cụ, dụng cụ	<u>897.631.198</u>	
Cộng	<u>12.375.746.521</u>	<u>12.944.679.371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	198.406.043.461	262.668.036.132	180.545.214.033	33.500.000	641.652.793.626
Tăng trong kỳ		10.625.015.786		41.636.364	10.666.652.150
Giảm trong kỳ					-
Số cuối kỳ	198.406.043.461	273.293.051.918	180.545.214.033	75.136.364	652.319.445.776
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457.605.455	160.905.076		33.500.000	652.010.531
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	55.174.858.865	78.657.572.419	8.199.755.472	33.500.000	142.065.686.756
Tăng trong kỳ	3.200.423.787	7.169.862.165	4.554.445.941	2.313.132	14.927.045.025
Giảm trong kỳ					-
Số cuối kỳ	58.375.282.652	85.827.434.584	12.754.201.413	35.813.132	156.992.731.781
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	143.231.184.596	184.010.463.713	172.345.458.561	-	499.587.106.870
Số cuối kỳ	140.030.760.809	187.465.617.334	167.791.012.620	39.323.232	495.326.713.995

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 321.504.530.206 đã được thế chấp và cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4.945.015.236	1.543.787.253	3.401.227.983
Tăng trong năm do khấu hao		35.321.538	(35.321.538)
Giảm trong năm			-
Số cuối năm	4.945.015.236	1.579.108.791	3.365.906.445

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	10.625.015.786	41.636.364	10.666.652.150	-
XDCB dở dang	793.106.272	636.363.636	-	1.429.469.908
- Kho bãi mới	793.106.272	636.363.636		1.429.469.908
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.725.802.649	2.264.588.082		4.990.390.731
Cộng	14.143.924.707	2.942.588.082	10.666.652.150	6.419.860.639

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	976.210.000		976.210.000
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	2.500		2.500
Cộng	866.500	-	866.500	976.212.500	-	976.212.500

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải: giảm do bán 266.600 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.196.610.000 VND.

14. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	1.059.935.786	
Chi phí bao hiểm chờ phân bổ	693.582.470	152.005.077
Chi phí thuê tàu	888.525.000	
Cộng	2.642.043.256	152.005.077

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát sinh trong		Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	kỳ		
Chi phí sửa chữa thiết bị	2.247.911.439	273.391.818	413.904.789	2.107.398.468
Công cụ dụng cụ khác	53.640.000		53.640.000	-
Cộng	2.301.551.439	273.391.818	467.544.789	2.107.398.468

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	11.083.638.752	4.970.972.516
Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật Hàng hải	106.113.376	
Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	116.731.492	
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn	285.000	1.360.000
Công ty CP dịch vụ tổng hợp Hải An	357.675.000	37.380.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	262.965.000	190.750.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.239.868.884	4.741.482.516
Phải trả các nhà cung cấp khác	32.738.411.460	14.500.238.365
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	5.168.845.600	2.658.172.796
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	9.603.367.789	5.003.457.207
Các nhà cung cấp khác	17.966.198.071	6.838.608.362
Cộng	43.822.050.212	19.471.210.881

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	68.419.007	
Công ty CP Thương mại và Hàng Hải Sài Gòn		10.000.000
Công ty TNHH TM và giao nhận Tùng Đạt		20.800.000
Công ty TNHH Zen Phụng Hoàng		28.800.000
Đối tượng khác	317.939.164	32.142.723
Cộng	386.358.171	91.742.723

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Phải nộp**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	92.396.120	92.396.120	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(3.155.400)	988.000	988.000	(3.155.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.745.391.560)	5.096.183.208		3.350.791.648
Thuế thu nhập cá nhân	533.786.878	541.266.666	637.430.954	437.622.590
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(1.214.760.082)	5.733.833.994	733.815.074	3.785.258.838

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài	0%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An thuộc đối tượng được hưởng:

Thuế suất ưu đãi: 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3, điểm 6 mục II Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.668.951.675	17.347.105.862
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	48.668.951.675	17.347.105.862
Trong đó:		
Hoạt động khai thác cảng	33.005.800.950	16.587.431.753
Hoạt động khai thác tàu	15.663.150.725	-
Thu nhập tính thuế	48.668.951.675	17.347.105.862
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.707.169.369	3.816.363.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3.960.696.113)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.650.290.048)	(3.816.363.290)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.096.183.208	-

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	227.793.317
Chi phí sửa chữa, lên đà tàu	450.000.000	-
Chi phí sửa chữa bãi, nạo vét	7.000.000.000	-
Phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	153.000.000	306.000.000
Cộng	<u>7.603.000.000</u>	<u>533.793.317</u>

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	6.887.025	
Bảo hiểm xã hội	52.724.387	198.537
Bảo hiểm y tế	9.403.826	312.796
Bảo hiểm thất nghiệp	9.565.074	5.031.724
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	633.220.000	633.220.000
Phải trả, phải nộp khác	1.065.266.250	455.089.320
Cộng	<u>1.792.066.562</u>	<u>1.103.852.377</u>

b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn hợp tác kinh doanh tàu HAIAN PARK	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn hợp tác kinh doanh tàu HAIAN SONG	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.242.320.325	4.242.320.325	4.392.320.325	4.392.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	4.242.320.325	4.242.320.325	4.392.320.325	4.392.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả	38.725.390.454	38.725.390.454	52.042.302.865	52.042.302.865
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	25.233.208.510	25.233.208.510	38.129.251.080	38.129.251.080
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	8.379.945.000	8.379.945.000	8.850.078.000	8.850.078.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Thành	5.112.236.944	5.112.236.944	5.062.973.785	5.062.973.785
Cộng	42.967.710.779	42.967.710.779	56.434.623.190	56.434.623.190

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 5/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.392.320.325	-	-	150.000.000	4.242.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	4.392.320.325			150.000.000	4.242.320.325
Vay dài hạn đến hạn trả	52.042.302.865	-	350.020.629	13.666.933.039	38.725.390.454
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	38.129.251.080		225.776.970	13.121.819.539	25.233.208.510
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	8.850.078.000		74.980.500	545.113.500	8.379.945.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Thành	5.062.973.785		49.263.159		5.112.236.944
Cộng	56.434.623.190	-	350.020.629	13.816.933.039	42.967.710.779

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	68.412.589.465	68.412.589.465	67.800.460.130	67.800.460.130
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	39.830.601.180	39.830.601.180	39.474.212.398	39.474.212.398
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Thành (iii)	27.265.263.056	27.265.263.056	27.002.526.215	27.002.526.215
Cộng	135.508.453.701	135.508.453.701	134.277.198.743	134.277.198.743

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, lãi suất 7,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container HAIAN PARK; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay: 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu HAIAN SONG, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	38.725.390.455	52.042.302.865
Trên 1 năm đến 5 năm	135.508.453.701	134.277.198.743
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>174.233.844.156</u>	<u>186.319.501.608</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Tăng khác do CLTG</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	67.800.460.130		612.129.335	*		68.412.589.465
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	39.474.212.398		356.388.782			39.830.601.180
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Thành (iii)	27.002.526.215		262.736.841			27.265.263.056
Cộng	<u>134.277.198.743</u>	<u>-</u>	<u>1.231.254.958</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>135.508.453.701</u>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

c. Các khoản vay với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không có phát sinh các khoản vay với các bên liên quan. Số dư nợ vay và thuê tài chính phải trả các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.254.828.213	-	-	3.254.828.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.583.344.434	-	1.815.000.000	1.768.344.434
Cộng	<u>6.838.172.647</u>	<u>-</u>	<u>1.815.000.000</u>	<u>5.023.172.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	91.202.175.376	425.312.917.107
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	43.572.768.467	43.572.768.467
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	131.024.943.843	465.135.685.574

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	257.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động cảng	58.540.771.514	41.810.194.762
Doanh thu hoạt động tàu	93.340.411.502	
Cộng	151.881.183.016	41.810.194.762

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
CN công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội	11.800.000	
CN Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	15.484.925.485	1.471.586.002
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	2.806.100.000	
Công ty cổ phần Hải Minh	2.437.500.000	
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn	3.414.800.000	
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng (MHC Hải Phòng)	62.000.000	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	3.819.610.350	
Công ty TNHH Vận tải và đại lý vận tải Đa phương thức	1.915.286.162	3.429.391.794
Công ty TNHH Cảng Hải An	7.087.537.193	11.220.869.451

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	23.846.244.746	12.981.115.190
Giá vốn của hoạt động tàu	75.640.550.816	
Cộng	99.486.795.562	12.981.115.190

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	444.720.468	613.971.502
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	64.610.749	31.214.472
Lãi tiền cho vay	118.333.333	102.958.333
Lãi đầu tư chứng khoán	2.221.264.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.807.991	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(43.215.881)	83.844.430
Cộng	2.843.520.660	831.988.737

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.668.841.651	750.331.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.471.043.814	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	478.144.119	10.007.142
Cộng	3.618.029.584	760.338.614

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.602.512.715	462.196.932
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.608.184	28.721.708
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.983.453	7.786.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.984.680	115.036.025
Thuế, phí và lệ phí	7.348.086	20.793.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.076.741	174.509.245
Chi phí bằng tiền khác	1.170.614.008	422.037.998
Cộng	3.114.127.867	1.231.081.295

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	163.761.012	1
Cộng	163.761.012	1

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	560.000	
Chi phí khác		9.518.706
Cộng	560.000	9.518.706

Lợi nhuận sau thuế của quý 1/2015 tăng 57,53% so với quý 1/2014 là do những nguyên nhân sau:

+ Công ty đầu tư 02 tàu container từ tháng 5/2014 phát triển dịch vụ vận tải container phát sinh doanh thu hoạt động khai thác tàu dẫn tới tăng lợi nhuận so với quý 1/2014.

+ Cuối năm 2014 công ty đầu tư thiết bị hợp lý cho Cảng nên đã tăng năng lực khai thác cho hoạt động cảng. Sản lượng container qua cảng tăng dẫn tới các doanh thu của hoạt động khai thác cảng tăng so với quý 1/2014.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	935.196.155	195.000.000
Thù lao	137.700.000	137.700.000
Cộng	1.072.896.155	332.700.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần MHC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần MHC - Cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
CN công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội		
Phải thu về hoạt động tàu	11.800.000	
CN Công ty CP Hàng hải Macs tại HP		
Phải thu về hoạt động tàu	55.600.000	
CN Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Phải thu về hoạt động cảng	15.484.925.485	1.471.586.002
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS		
Phải thu về hoạt động tàu	2.806.100.000	
Trả cổ tức		937.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hải Minh		
Phải thu về hoạt động tàu	2.437.500.000	
Trả cổ tức		500.000.000
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn		
Phải thu về hoạt động tàu	3.414.800.000	
Phải trả về hoạt động tàu	285.000	
Trả cổ tức	1.500.000.000	4.687.500.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng (MHC Hải Phòng)		
Phải thu về hoạt động tàu	62.000.000	
Phải trả về hoạt động tàu	253.385.000	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Phải thu về hoạt động tàu	3.819.610.350*	
Phải trả về hoạt động tàu	12.817.996.718	
Chia cổ tức tàu	750.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và đại lý vận tải Đa phương thức		
Phải thu về hoạt động cảng	1.915.286.162	3.429.391.794
Chia cổ tức	1.500.000.000	39.200.000
Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật Hàng hải		
Phải trả về hoạt động cảng	106.113.376	
Trả tiền vay	150.000.000	50.000.000
Chia cổ tức		1.909.456.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Phải trả về hoạt động cảng	350.027.526	53.607.342
Công nợ cho vay	2.000.000.000	
Chia cổ tức		1.800.000.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải HAS (Công ty CP dịch vụ tổng hợp Hải An)		
Phải trả về hoạt động tàu	407.575.000	
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Phải trả về hoạt động cảng	1.302.097.943	907.845.618
Phải trả về hoạt động tàu	3.762.632.260	
Phải thu về hoạt động cảng	7.087.537.193	11.220.869.451
Trả hộ cổ tức		1.701.389.200
Công ty cổ phần MHC		
Trả hộ cổ tức		5.889.200.000
Công ty cổ phần Nam Dương		
Trả hộ cổ tức		11.200.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn tại Hà Nội		
Phải thu về hoạt động tàu	11.800.000	7.500.000
CN Công ty CP Hàng hải Macs tại HP		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hoạt động tàu	7.400.000	9.300.000
CN Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Phải thu về hoạt động cảng	8.498.130.226	4.780.087.242
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS		
Phải thu về hoạt động tàu	959.200.000	95.400.000
Công ty cổ phần Hải Minh		
Phải thu về hoạt động tàu	350.500.000	
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn		
Phải thu về hoạt động tàu	1.464.900.000	326.000.000
Phải trả về hoạt động tàu	285.000	1.360.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng (MHC Hải Phòng)		
Phải thu về hoạt động tàu	29.400.000	47.600.000
Phải trả về hoạt động tàu	162.965.000	90.750.000
Công nợ sáp nhập	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Phải trả về hoạt động tàu	10.239.868.884	4.741.482.516
Công ty TNHH Vận tải và đại lý vận tải Đa phương thức		
Phải thu về hoạt động cảng	596.078.147	1.177.546.058
Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật Hàng hải		
Phải trả về hoạt động cảng	106.113.376	
Công nợ sáp nhập	4.242.320.325	4.392.320.325
Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Phải trả về hoạt động cảng	116.731.492	
Công nợ cho vay	7.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải HAS (Công ty CP dịch vụ tổng hợp Hải An)		
Phải trả về hoạt động tàu	357.675.000	37.380.000
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Công nợ phải thu	8.514.098.573	1.425.169.309

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	58.540.771.514	93.340.411.502	-	151.881.183.016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.540.771.514	93.340.411.502	-	151.881.183.016
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.694.526.768	17.699.860.686	-	52.394.387.454
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.114.127.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				49.280.259.587
Doanh thu hoạt động tài chính				2.843.520.660
Chi phí tài chính				(3.618.029.584)
Thu nhập khác				163.761.012
Chi phí khác				(560.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.096.183.208)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				43.572.768.467
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.746.439.602	312.923.414	-	11.059.363.016
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.947.273.369	10.447.015.272	-	16.394.288.640
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.589.325.311	-	-	30.589.325.311
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.589.325.311	-	-	30.589.325.311
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.516.055.739	-	-	18.516.055.739
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(1.231.081.295)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				17.284.974.444
Doanh thu hoạt động tài chính				831.988.737
Chi phí tài chính				(760.338.614)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Thu nhập khác				1
Chi phí khác				(9.518.706)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				17.347.105.862
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.973.320.413		*	7.973.320.413
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	385.248.383.014	219.937.597.981	-	605.185.980.995
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				161.044.854.552
Tổng tài sản				766.230.835.547
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	107.880.810.691	182.406.762.172	-	290.287.572.863
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	690.730.458	1.101.336.104	-	1.792.066.562
Tổng nợ phải trả				301.095.149.973
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	384.474.512.220	190.764.571.049	-	575.239.083.269
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8.656.558.420	6.741.677.467	-	15.398.235.887
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				115.256.746.041
Tổng tài sản				705.894.065.197
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	109.431.993.544	161.476.001.993	-	270.907.995.537
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	564.666.613	439.759.081	-	1.004.425.694
Tổng nợ phải trả				280.581.148.090

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty trong bên liên quan vay. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.594.310.966				118.594.310.966
Phải thu khách hàng	78.054.117.854			168.233.612	78.222.351.466
Các khoản cho vay	7.000.000.000				7.000.000.000
Các khoản phải thu khác	4.371.123.329				4.371.123.329
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500				866.500
Cộng	<u>208.020.418.649</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>168.233.612</u>	<u>208.188.652.261</u>
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.148.304.209				70.148.304.209
Phải thu khách hàng	53.319.975.383			168.233.612	53.488.208.995
Các khoản cho vay	5.000.000.000				5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.134.638.168				2.134.638.168
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	976.212.500				976.212.500
Cộng	<u>131.579.130.260</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>168.233.612</u>	<u>131.747.363.872</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	42.967.710.780	135.508.453.701		178.476.164.481
Phải trả người bán	43.822.050.212			43.822.050.212
Chi phí phải trả	7.603.000.000			7.603.000.000
Các khoản phải trả khác	1.080.266.250			1.080.266.250
Cộng	<u>95.473.027.242</u>	<u>135.508.453.701</u>	<u>-</u>	<u>230.981.480.943</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	56.434.623.190	134.277.198.743		190.711.821.933
Phải trả người bán	19.471.210.881			19.471.210.881
Chi phí phải trả	533.793.317			533.793.317

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Các khoản phải trả khác	465.089.320	60.000.000.000		60.465.089.320
Cộng	76.904.716.708	194.277.198.743	-	271.181.915.451

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 3 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.199.340,43	46,02	189.655,88	46,11
Phải thu khách hàng	2.247.843,33		1.981.852,39	
Ký quỹ, ký cược	74.000,00			
Vay và nợ	(8.076.557,45)		(8.715.887,11)	
Phải trả người bán	(496.483,29)	(1.897,50)	(267.449,92)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(5.051.856,98)	(1.851,48)	(6.811.828,76)	46,11

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.690.452.382 VND (năm/cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.412.573.566 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	VND	USD	EUR	VND	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.169.779.840	1.199.340,43	46,02	14.118.038.048	189.655,88	46,11
Vay và nợ	(4.242.320.325)	(8.076.557,45)		(4.392.320.325)	(8.715.887,11)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	22.927.459.515	(6.877.217,02)	46,02	9.725.717.723	(8.526.231,23)	46,11

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 458.549.190 VND (năm/cùng kỳ năm trước giảm/tăng 194.514.354 VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.475.163.051 VND (năm/cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.822.652.450 VND).

Rủi ro do biến động lãi suất của EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.594.310.966		70.148.304.209		118.594.310.966	70.148.304.209
Phải thu khách hàng	78.054.117.854	(115.383.528)	53.488.208.995	(115.383.528)	77.938.734.326	53.372.825.467
Các khoản cho vay	7.000.000.000		5.000.000.000		7.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	4.371.123.329		2.134.638.168		4.371.123.329	2.134.638.168
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500		976.212.500		866.500	976.212.500
Cộng	208.020.418.649	(115.383.528)	131.747.363.872	(115.383.528)	207.905.035.121	131.631.980.344

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		* Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	178.476.164.481	190.711.821.933	178.476.164.481
Phải trả người bán	43.822.050.212	19.471.210.881	43.822.050.212	19.471.210.881
Chi phí phải trả	7.603.000.000	533.793.317	7.603.000.000	533.793.317
Các khoản phải trả khác	1.080.266.250	60.465.089.320	1.080.266.250	60.465.089.320
Cộng	230.981.480.943	271.181.915.451	230.981.480.943	271.181.915.451

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lập, ngày 13 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc

Tạ Mạnh Cường